

Bản án số: 200/2025/HS-PT
Ngày 23 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hà.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Nguyệt và bà Lê Thu Hương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 243/2025/HS-PT ngày 22/10/2025 đối với bị cáo Trịnh Việt T, do có kháng cáo của đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

1. Bị cáo kháng cáo: **Trịnh Việt T**, sinh ngày: 31/5/2003 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố A, phường X, thành phố Hà Nội; nơi ở: Thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 001203046851; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn M bà Đào Thị Kim D án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 12/7/2024; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Minh T1 - Luật sư Công Ty L - Đoàn Luật sư tỉnh T16 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị hại: Công ty cổ phần T17

Địa chỉ: số B, phường S, TP.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị P-Tổng giám đốc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Thanh Hóa

- Bà Đào Thị Kim D1 năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa

- Công ty CP D6 (vắng mặt)

Địa chỉ: số A, phường Đ, phường H, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2023, Trịnh Việt T ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần T17 (gọi tắt là Công ty). Ngày 26/9/2023, T2 phân công giữ chức vụ Cửa hàng trưởng tại Cửa hàng WinMart+ số G thuộc thôn A, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thực hiện chức năng nhiệm vụ theo bảng mô tả công việc trong đó có nhiệm vụ: kiểm soát các hạng mục thu chi hàng ngày (nộp tiền doanh thu bán hàng, quản lý quỹ tiền mặt). Đồng thời, T3 ký hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần D7 hiện nhiệm vụ giám sát quá trình thu nộp tiền doanh thu hàng ngày về Công ty. Các ngày 07, 08, 09, 13 và 14/02/2024 (tết nguyên đán) do Ngân hàng không làm việc nên tiền doanh thu của những ngày này T4 từng ngày qua ứng dụng nhưng thực tế không đến của hàng thu tiền và nộp tiền về Công ty, số tiền doanh thu của 5 ngày này tồn lại trong kết sổ của cửa hàng. Đến hơn 14h ngày 15/02/2024, Tgọi điện cho chị Lê Thị H1 là nhân viên của Cửa hàng WinMart+ nơi Tlàm việc yêu cầu chị H lấy tiền và chuyển số tiền 89.000.000đ vào tài khoản T4 mang tên T để T5 tiền về Công ty. Hnhờ chị Á số tiền trên đến số tài khoản ngân hàng của TNhận được tiền, T6 sinh ý định chiếm đoạt nên không thực hiện việc chuyển tiền cho công ty M1 chuyển toàn bộ số tiền này đến tài khoản ngân hàng V tên Nguyễn Linh H2 (chuyển 02 lần: 01 lần 60.000.000đ, 01 lần 29.000.000đ) để lấy tiền mặt dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, đến hơn 15h cùng ngày, T7 tục gọi điện cho chị Quách Thị H3 cầu chuyển thêm số tiền 36.000.000đ là tiền doanh thu hiện có tại cửa hàng, chị H2 kiểm tra chỉ có 24.000.000đ và nhờ chị Nguyễn Thị T8 chuyển số tiền này đến tài khoản của T9 Sau đó T10 chuyển hết số tiền này vào tài khoản T4 mang tên T để chi tiêu cá nhân và trả nợ.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định vào sáng ngày 09/02/2024, T3 trực tiếp kiểm đếm doanh thu và chiếm đoạt số tiền 17.345.515đ của cửa hàng.

Về dân sự: Bà Đào Thị Kim D2 bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty số tiền 44.346.000đ (làm tròn số). Số tiền 89.000.000đ chị Lê Thị H4 chuyển vào tài khoản cho T11 Tnộp về Công ty nhưng Tkhông nộp, số tiền mặt hiện Công ty đang giữ, chị H5 cầu T trả cho chị số tiền trên. Bà Đào Thị Kim D3 chuyển cho chị H6 tiền 20.000.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HSST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá đã quyết định: Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Trịnh Việt T12 năm 03 tháng về tội “Tham ô tài sản”. Về dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 85.999.022đ cho Công ty. Buộc Công ty phải hoàn trả cho chị Lê

Thị H6 tiền 89.000.000đ. Buộc chị H7 hoàn trả cho bà Đào thị Kim D4 tiền 20.000.000đ. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/9/2025, bị cáo T13 đơn kháng cáo cáo đề nghị xem xét lại tội danh, bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Tham ô tài sản” là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T14 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo T15 mãn đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HSST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá .

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm cho rằng: Bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền vì đã nhờ người gọi điện thoại cho mẹ nộp hộ. Trong nhiệm vụ bị cáo được Công ty cổ phần T18 không có quy định cho phép bị cáo thu tiền, Bị cáo đang thực hiện nhiệm vụ cho Công ty cổ phần D8 có chiếm đoạt thì là chiếm đoạt của Công ty cổ phần D6. Việc bị cáo “nộp chậm” tiền doanh thu là được phép theo Phụ lục Hợp đồng dịch vụ ký giữa bị cáo và Công ty cổ phần D6. Thời điểm Công ty cổ phần T19 cáo thì bị cáo không còn là nhân viên của Công ty. Vì vậy, bị cáo không phạm tội “Tham ô tài sản”.

Bị cáo thống nhất quan điểm bào chữa của người bào chữa. Người có quyền lợi liên quan bà Đào Thị Kim D5 nghị Hội đồng xét xử xem xét vì thực tế Công ty không bị thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Việt T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, gia đình bị cáo nhiều lần có đơn kêu cứu, đơn kiến nghị. Đối với nội dung kêu cứu, kiến nghị của gia đình bị cáo đã được cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm xem xét, giải quyết theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; nội dung trong đơn đã được xác định là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung đã được giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng, lời khai của bị cáo, của đại diện bị hại, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng cùng các tài liệu khác được điều tra, thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Với chức vụ là Cửa hàng trưởng tại Cửa hàng W1 thuộc khu phố A, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là người được Công ty cổ phần T18 trực tiếp quản lý, kiểm soát thu - chi, quản lý quỹ tiền mặt và tổ chức việc thu nộp tiền doanh thu hằng ngày, ngày 09/02/2024, bị cáo đã trực tiếp kiểm đếm doanh thu, không giao nộp cho Công ty số tiền 17.345.515đ. Ngày 15/02/2024, lợi dụng quyền điều hành, chỉ đạo nhân viên chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của bị cáo, gồm: lần thứ nhất số tiền 89.000.000đ, lần thứ hai số tiền 24.000.000đ. Tổng cộng là 130.345.515đ. Sau khi nhận được tiền, bị cáo không thực hiện việc nộp tiền về Công ty theo quy định, mà chuyển sang tài khoản khác để rút tiền mặt, sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện nhiều lần, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của Công ty đồng thời làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự quản lý tài sản trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa xử phạt bị cáo Trịnh Việt T12 năm 03 tháng tù về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của BLHS.

[4] Về yêu cầu kháng cáo xem xét lại tội danh của bị cáo T, xét thấy:

Bị cáo là Cửa hàng trưởng Cửa hàng WinMart+, được Công ty cổ phần T18 trực tiếp quản lý, kiểm soát thu - chi, quản lý quỹ tiền mặt và tổ chức việc thu nộp tiền doanh thu hằng ngày. Với chức danh và nhiệm vụ được giao, bị cáo là người có trách nhiệm quản lý tài sản của doanh nghiệp. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo đã lợi dụng vị trí, quyền hạn của mình đã yêu cầu nhân viên chuyển tiền doanh thu của cửa hàng vào tài khoản ngân hàng cá nhân. Sau khi nhận tiền, bị cáo không thực hiện việc nộp tiền về Công ty theo quy định mà tiếp tục chuyển sang tài khoản khác để rút tiền mặt, sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân, đồng thời còn trực tiếp kiểm đếm và chiếm đoạt tiền mặt doanh thu tại cửa hàng. Tổng số tiền bị chiếm đoạt nhiều lần là 130.345.515đ.

Hành vi nêu trên đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của Công ty T20 thời làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự quản lý tài sản trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bị cáo thực hiện hành vi trong khi nhận thức rõ số tiền là tài sản của Công ty, bản thân có nghĩa vụ quản lý, bảo toàn và nộp lại theo đúng quy định nhưng vẫn cố ý chiếm đoạt để phục vụ mục đích cá nhân.

Đối với ý kiến cho rằng việc mình “nộp chậm” tiền doanh thu là được phép theo Phụ lục Hợp đồng dịch vụ ký giữa bị cáo và Công ty cổ phần D9 không có căn cứ chấp nhận, vì: Điểm 4.13 Phụ lục Hợp đồng dịch vụ mà bị cáo viện dẫn không phải là điều khoản cho phép bị cáo được chậm nộp, giữ lại hoặc sử dụng tiền doanh thu của Công ty, mà chỉ là điều khoản quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong quan hệ hợp đồng dịch vụ giữa bị cáo và Công ty D10 Bên B gây ra thiệt hại, thất thoát về tiền và tài sản trong quá trình thực hiện dịch vụ. Nội dung điều khoản này chỉ xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ bồi thường và biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bồi thường, hoàn toàn không làm phát sinh quyền cho bị cáo được chiếm giữ, chậm nộp hoặc sử dụng tiền doanh thu của W

Mặt khác, nghĩa vụ thu - nộp tiền doanh thu của bị cáo phát sinh từ hợp đồng lao động, bảng mô tả công việc và quy trình nghiệp vụ nội bộ của Công ty T21 quan hệ pháp lý độc lập với hợp đồng dịch vụ giữa bị cáo và Công ty D11 bị cáo ký hợp đồng dịch vụ với Công ty D12 làm thay đổi nghĩa vụ phải nộp đầy đủ, kịp thời tiền doanh thu về Công ty T22 không làm thay đổi quyền sở hữu của W1 với số tiền doanh thu.

Thực tế cho thấy bị cáo không chỉ nộp chậm tiền doanh thu, mà đã yêu cầu chuyển tiền doanh thu vào tài khoản ngân hàng cá nhân, sau đó chuyển tiếp sang tài khoản khác để rút tiền mặt và sử dụng vào mục đích cá nhân, đồng thời còn trực tiếp kiểm đếm và chiếm đoạt tiền mặt tại cửa hàng. Hành vi này vượt ra ngoài phạm vi thực hiện dịch vụ, thể hiện rõ ý thức chiếm đoạt tài sản, không thể được xem là hành vi “nộp chậm” theo bất kỳ thỏa thuận hợp đồng nào.

Đối với ý kiến của bị cáo cho rằng tại thời điểm Công ty cổ phần T19 thì bị cáo không còn là nhân viên của Công ty: thấy rằng, trách nhiệm hình sự được xác định căn cứ vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, không phụ thuộc vào thời điểm bị phát hiện, tố giác hay thời điểm chấm dứt quan hệ lao động. Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, bị cáo đang giữ chức vụ Cửa hàng trưởng, là người được Công ty giao trực tiếp quản lý, kiểm soát thu - chi, quản lý quỹ tiền mặt và tổ chức việc thu nộp tiền doanh thu, do đó bị cáo là người có trách nhiệm quản lý tài sản của doanh nghiệp. Việc sau đó Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bị cáo với thời điểm Công ty thực hiện việc tố cáo khi bị cáo không còn là nhân viên Công ty không làm thay đổi tư cách pháp lý của bị cáo tại thời điểm phạm tội, cũng không làm thay đổi bản chất hành vi chiếm đoạt đã được thực hiện.

Đối với ý kiến cho rằng bị cáo không có ý thức chiếm đoạt vì đã nhờ mẹ đẻ nộp hộ: Ý thức chiếm đoạt của bị cáo được xác định tại thời điểm thực hiện hành vi. Bị cáo đã yêu cầu nhân viên chuyển tiền doanh thu vào tài khoản cá nhân, sau khi nhận tiền không nộp về Công ty mà chuyển sang tài khoản khác để

rút tiền mặt, sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Việc bị cáo sau đó nhờ người liên hệ với mẹ để nộp tiền chỉ thể hiện ý thức khắc phục, không làm thay đổi bản chất hành vi chiếm đoạt đã hoàn thành.

Đối với ý kiến cho rằng trong nhiệm vụ bị cáo được Công ty cổ phần T18 không có quy định cho phép bị cáo thu tiền: Theo hợp đồng lao động, bảng mô tả công việc và quy trình nghiệp vụ của Công ty T23 cáo là Cửa hàng trưởng, có trách nhiệm kiểm soát thu - chi, quản lý quỹ tiền mặt và nộp tiền doanh thu hằng ngày của cửa hàng. Số tiền bị chiếm đoạt là tiền doanh thu thuộc phạm vi quản lý của bị cáo và bị cáo đã lợi dụng quyền điều hành để chỉ đạo nhân viên chuyển tiền nhằm chiếm đoạt, nên không có căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Đối với ý kiến cho rằng bị cáo đang thực hiện nhiệm vụ cho Công ty cổ phần D8 có chiếm đoạt thì là chiếm đoạt của Công ty D6: Tài sản bị chiếm đoạt là tiền doanh thu bán hàng của Cửa hàng W1 thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần T24 đồng với Công ty D13 là hợp đồng dịch vụ giám sát, không làm phát sinh quyền sở hữu hay quyền quản lý tiền doanh thu. Công ty D12 giao tài sản cho bị cáo quản lý và thực tế không bị thiệt hại về tài sản.

Đối với ý kiến cho rằng bị cáo không nộp tiền với tư cách Cửa hàng trưởng, không phải là người có chức vụ, quyền hạn quản lý số tiền doanh thu: Bị cáo được Công ty cổ phần T25 nhiệm giữ chức vụ Cửa hàng trưởng Cửa hàng WinMart+, đồng thời được giao trực tiếp quản lý, kiểm soát thu - chi, quản lý quỹ tiền mặt và tổ chức việc thu nộp tiền doanh thu hằng ngày theo quy trình nội bộ của Công ty. Như vậy, bị cáo là người có trách nhiệm quản lý tài sản của doanh nghiệp, không phụ thuộc vào việc bị cáo có trực tiếp đứng quầy thu tiền hay không. Chính vị trí, quyền hạn của Cửa hàng trưởng đã tạo điều kiện để bị cáo chỉ đạo, yêu cầu nhân viên chuyển tiền doanh thu vào tài khoản ngân hàng cá nhân của bị cáo, sau đó chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân. Việc bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt thông qua hình thức chỉ đạo nhân viên chuyển tiền không làm thay đổi tư cách quản lý tài sản của bị cáo, mà ngược lại còn thể hiện rõ hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Việt T đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của BLHS. Kháng cáo của bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Tham ô tài sản” là không đúng là không có căn cứ. Đề nghị giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14, bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Việt T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

Áp dụng: Điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của BLHS. Điều 136 của BLTTHS. Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Việt T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Việt T12 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/7/2024.

2. *Án phí:* Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hoá
- CA tỉnh Thanh Hoá;
- CQ THAHS Công an tỉnh;
- TAND, VKSND KV 10 Thanh Hóa;
- Thị hành án dân sự TH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ; Toà Hình sự; HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Hà